

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.346  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 3 Phường 7  
Địa chỉ / address: Khóm 3, Phường 7, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,4                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,16                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,42                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,56                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,13                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Được*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.347  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 3 Phường 7  
Địa chỉ / address: Khóm 3, Phường 7, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,4                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,16                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,40                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,41                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,12                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Được*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.348  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 3 Phường 7  
Địa chỉ / address: Khóm 3, Phường 7, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantity : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,4                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,16                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,38                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,23                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,11                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

  
Mai Thị Bảo Cúc

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thành Đạt*

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN  
**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.340  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 5 Phường 4  
Địa chỉ / address: Khóm 5, Phường 4, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,6                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,06                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,42                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,60                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,17                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thi Bao Cuc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**Kí Giám đốc / Director**  
**PHÒNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Đạt*

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN  
**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.341  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 5 Phường 4  
Địa chỉ / address: Khóm 5, Phường 4, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,6                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,06                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,40                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,40                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,16                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Được*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.342  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 5 Phường 4  
Địa chỉ / address: Khóm 5, Phường 4, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,6                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,06                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,38                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,23                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,15                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

  
Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

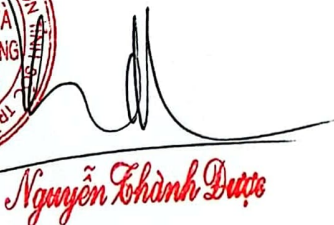
- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Nguyễn Thành Đạt**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.343  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 6 Phường 4  
Địa chỉ / address: Khóm 6, Phường 4, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,7                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,10                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,38                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,60                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,20                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Được*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN  
**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.344  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 6 Phường 4  
Địa chỉ / address: Khóm 6, Phường 4, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,7                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,10                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,36                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,39                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,19                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

  
Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
**Nguyễn Thành Đạt**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN  
**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu / code : 24.09.345  
Tên mẫu / Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng / Client: Hệ cấp nước Khóm 6 Phường 4  
Địa chỉ / address: Khóm 6, Phường 4, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu / Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu / sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu / Quantity: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích / Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu / Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,7                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,10                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,34                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,23                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,18                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

  
Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

  
Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.334  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 6 Phường 8  
Địa chỉ / address: Khóm 6, Phường 8, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

**Kết quả thử nghiệm / Test result**

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,5                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,44                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,44                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,61                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,15                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Đạt*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.335  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 6 Phường 8  
Địa chỉ / address: Khóm 6, Phường 8, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng-mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,5                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,44                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,42                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,40                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,14                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Đạt*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.336  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 6 Phường 8  
Địa chỉ / address: Khóm 6, Phường 8, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,5                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,44                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,40                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,23                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,13                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**BHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Đạt*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.337  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 7 Phường 8  
Địa chỉ / address: Khóm 7, Phường 8, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,7                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,40                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,43                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,57                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,09                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Đạt*

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.338  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 7 Phường 8  
Địa chỉ / address: Khóm 7, Phường 8, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,7                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,40                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,41                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,36                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CLO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,08                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Đạt*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.09.339  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Khóm 7 Phường 8  
Địa chỉ / address: Khóm 7, Phường 8, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 21/09/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 28/09/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 21/09/2024 đến ngày 26/09/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,7                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 1,40                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,39                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,21                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 8   | Sắt (Fe)                       | mg/L                          | 0,07                   | 0,3                                     | SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)               |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 28/09/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thành Được*

**BM.06.07 – LBH : 03**